

Số: 140/2019/QĐST-HNGĐ

An Lão, ngày 26 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 239/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Bà Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và ông Trần Ngọc T, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T tự nguyện xây dựng hạnh phúc có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 3 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà T và ông T cùng làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T đều xác nhận không có con chung.

[3] Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 và Điều 37 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 50% lệ phí giải quyết việc dân sự. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1940 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

[5] Tại biên bản hòa giải hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T ngày 16 tháng 8 năm 2019, bà T và ông T đã thuận tình ly hôn. Việc thỏa thuận của bà T và ông T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T không có con chung.
- Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Ngọc T được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017338 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhạn

